

Bản án số: **82/2021/HNGĐ - ST**  
Ngày: 20- 12 -2021  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Đào

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Thành Đô
2. Bà Lê Thị Thận

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Trong ngày 20 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 376/2021/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2021/QĐXX - ST ngày 08 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Ái L, sinh năm 1999

Địa chỉ: Thôn 6, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước.

**Bị đơn:** Anh Phạm Thế P, sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn 1, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước.

*(Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt; có đơn xin giải quyết vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Ái L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ái L và anh Phạm Thế P tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 2016, tuy nhiên đến năm 2018 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng tới năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được,

không thể tiếp tục chung sống nên đã ly thân từ tháng 8/2019 cho đến nay. Nay chị L yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh P để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị L và anh P có 02 người con chung là cháu Nguyễn Bảo L, sinh ngày 29/9/2016 và cháu Phạm Nguyễn Duy P, sinh ngày 30/7/2018. Nay ly hôn chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu L cho đến khi cháu L thành niên; đồng ý giao cháu P cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu P thành niên. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án, nguyên đơn chị L cung cấp các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản gốc Giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 31/5/2018 của Ủy ban nhân dân xã A, bản sao chứng minh nhân dân, bản sao sổ hộ khẩu gia đình của chị L và anh P, 02 bản sao giấy khai sinh của cháu L và cháu P. Ngoài ra, chị L không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì.

*Bị đơn anh Phạm Thế P trình bày:* Anh Phạm Thế P và chị Nguyễn Thị Ái L tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 2016, tuy nhiên đến năm 2018 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước. Quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã. Do không thể sống chung nên đã ly thân từ năm 2019 cho tới nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị L yêu cầu ly hôn thì anh P đồng ý.

Về con chung: Anh P và chị L có 02 người con chung là cháu Nguyễn Bảo L, sinh ngày 29/9/2016 và cháu Phạm Nguyễn Duy P, sinh ngày 30/7/2018. Nay ly hôn anh P đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng cháu P cho đến khi cháu P thành niên; giao cháu L cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi cháu L thành niên, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa:* Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin giải quyết vắng mặt và vắng mặt tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Phần thủ tục tố tụng:

Theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ái L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Phạm Thế P. Bị đơn có nơi cư trú tại xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử thấy tranh chấp giữa Nguyên đơn và Bị đơn thuộc lĩnh vực hôn nhân gia đình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

Đây là vụ án Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên căn cứ vào khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án không có sự tham gia phiên tòa của Kiểm sát viên.

Đối với việc giải quyết vắng mặt của các bên đương sự. Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình thụ lý giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Ái L và anh Phạm Thế P đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh P tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước. Điều này phù hợp với bản gốc Giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 31/5/2018 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước đã được chị L cung cấp cho Tòa án. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh P là hợp pháp.

[3] Về mâu thuẫn gia đình: Chị L và anh P đều thống nhất quá trình chung sống vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống nên đã sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa anh P và chị L là trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hơn nữa anh P cũng đồng ý ly hôn với chị L. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận nguyện vọng muốn ly hôn của chị L.

[4] Về con chung: Chị L và anh P có 02 người con chung là cháu Nguyễn Bảo L, sinh ngày 29/9/2016 và cháu Phạm Nguyễn Duy P, sinh ngày 30/7/2018. Quá trình giải quyết vụ án chị L và anh P thống nhất thỏa thuận giao cháu L cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu L thành niên; giao cháu P cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu P thành niên. Do đó, cần ghi nhận sự thỏa thuận này của chị L và anh P.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con các bên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7] Về nợ chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự buộc nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ái L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ái L về việc ly hôn. Chị L được ly hôn với anh Phạm Thế P.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo L, sinh ngày 29/9/2016 cho chị Nguyễn Thị Ái L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi; Giao Phạm Nguyễn Duy P, sinh ngày 30/7/2018 cho anh Phạm Thế P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ái L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000064 ngày 28/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- Chi cục THADS huyện Bù Đăng;
- Các đương sự;
- UBND xã, thị trấn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Thị Đào**